

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**  
*(GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)*

**I. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu: 222 ĐVHT, chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (5 ĐVHT) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).
2. Thời gian đào tạo: 4,5 năm

**II. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. **Kiến thức giáo dục đại cương** **102 ĐVHT**  
(Chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
2. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** **120 ĐVHT**
  - Kiến thức cơ sở khối ngành 10 đvht
  - Kiến thức cơ sở ngành 20 đvht
  - Kiến thức chuyên ngành 50 đvht
  - Kiến thức bổ trợ 25 đvht
  - Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp) 15 đvht

❖ **Kiến thức Giáo dục đại cương (102 đvht)**

<i>STT</i>	<i>Mã môn</i>	<i>Tên môn</i>	<i>ĐVHT</i>	<i>Số tiết</i>
1	VIE 101	Triết học Mác – Lênin	6	90
2	VIE 215	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	8	120
3	VIE 303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	60
4	VIE 304	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	60
5	VIE 405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45
6	VIE 116	Pháp luật đại cương	4	60
7	VIE 107	Tin học đại cương	4	60
8	MAT 201	Toán cao cấp	6	90
9	STA 201	Xác suất thống kê	4	60
10	ENG 101	Kỹ năng tiếng I	20	400
11	ENG 102	Kỹ năng tiếng II	20	400
12	ENG 203	Kỹ năng tiếng III	20	400
13	VIE 108	Giáo dục thể chất	5	
14	VIE 109	Giáo dục quốc phòng		165 tiết

❖ **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (120 đvht)**

**1. Khối kiến thức cơ sở khối ngành (10 đvht)**

<i>STT</i>	<i>Mã môn</i>	<i>Tên môn</i>	<i>ĐVHT</i>	<i>Số tiết</i>
1	ECO 201	Kinh tế vi mô	5	75
2	ECO 302	Kinh tế vĩ mô	5	75

**2. Khối kiến thức cơ sở ngành (20 đvht)**

<i>STT</i>	<i>Mã môn</i>	<i>Tên môn</i>	<i>ĐVHT</i>	<i>Số tiết</i>
1	ACC 201	Nguyên lý kế toán	5	75
2	ECO 303	Kinh tế lượng	5	75
3	LAW 301	Luật kinh tế	5	75
4	STA 202	Nguyên lý thống kê kinh tế	5	75

**3. Khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc 50 đvht)**

<i>STT</i>	<i>Mã môn</i>	<i>Tên môn</i>	<i>ĐVHT</i>	<i>Số tiết</i>
1	MGT 201	Nhập môn quản trị học	5	75
2	FIN301	Quản trị tài chính	5	75
3	HRM 301	Quản trị nhân sự	5	75
4	FIN 405	Mô hình tài chính	5	75
5	FIN 304	Tài chính doanh nghiệp	5	75
6	BNK 305	Quản trị ngân hàng	5	75
7	BNK 402	Nhập môn tài chính - tiền tệ	5	75
8	FIN 303	Phân tích tài chính	5	75
9	FIN 410	Quản trị danh mục đầu tư	5	75
10	FIN 406	Tài chính quốc tế	5	75

**Tự chọn (25 đvht)**

<i>STT</i>	<i>Mã môn</i>	<i>Tên môn</i>	<i>ĐVHT</i>	<i>Số tiết</i>
1	FIN 302	Thị trường và thể chế tài chính	5	75
2	FIN 312	Nhập môn Tài chính – Ngân hàng	5	75
3	BNK 404	Quyết định cho vay	5	75
4	BNK 403	Quản lý nguồn vốn	5	75
5	BNK301	Ngân hàng thương mại và tài chính	5	75
6	ACC 403	Kế toán quản trị	5	75
7	CIS 301	Nhập môn hệ thống thông tin	5	75
8	FIN 411	Tài chính – Ngân hàng quốc tế	5	75
9	BNK 306	Ngân hàng đầu tư	5	75
10	FIN 511	Quản trị rủi ro tài chính	5	75
11	FIN 408	Tài chính công ty đa quốc gia	5	75
12	FIN 409	Công cụ tài chính phái sinh	5	75
13	HRM 402	Hành vi tổ chức	5	75
14	ACC 302	Kế toán tài chính 1	5	75
15	MGT 302	Giao tiếp trong kinh doanh	5	75
16	MGT 403	Quản trị quốc tế	5	75
17	MGT 404	Hệ thống thông tin quản lý	5	75
18	MGT 405	Quản trị chiến lược	5	75
19	BNK 303	Marketing cho ngân hàng	5	75
20	MKT 301	Nguyên lý marketing	5	75
21	MKT 402	Hành vi khách hàng	5	75
22	MGT409	Khởi nghiệp	5	75
23	THM 405	Quản trị khách sạn	5	75
24	ACC 403	Kế toán quản trị	5	75
25	ACC 407	Thuế	5	75
26	ACC 406	Kiểm toán	5	75

**4. Thực tập nghề nghiệp và khoá luận tốt nghiệp****15 đvht**

### III. PHÂN BỐ MÔN HỌC THEO KỲ

	Mã môn	Tên môn	Bắt buộc	Tự chọn bắt buộc theo HK	ĐVHT/ môn	Số tiết/môn
HỌC KỲ 1	ENG 101	Kỹ năng tiếng I	x		20	400
	VIE 101	<i>Triết học Mác Lê nin</i>		x	6	90
	VIE 107	<i>Tin học đại cương</i>		x	4	60
HỌC KỲ 2	ENG 102	Kỹ năng tiếng II	x		20	400
	VIE 101	<i>Triết học Mác Lê nin</i>		x	6	90
	VIE 107	<i>Tin học đại cương</i>		x	4	60
	VIE 215	<i>Kinh tế chính trị Mác- Lê nin</i>		x	8	120
HỌC KỲ 3	ENG 103	Kỹ năng tiếng III			20	400
	VIE 303	<i>Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>		x	4	60
	MAT 201	Toán cao cấp			6	90
	VIE 215	<i>Kinh tế chính trị Mác- Lê nin</i>		x	8	120
	VIE 116	<i>Pháp luật đại cương</i>			3	45
HỌC KỲ 4	VIE 304	<i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>		x	4	60
	ECO 201	Kinh tế vi mô	x		5	75
	VIE 116	<i>Pháp luật đại cương</i>		x	3	45
	MGT 201	Quản trị học	x		5	75
	ACC 201	Nguyên lý kế toán	x		5	75
	STA 201	Xác suất và thống kê	x		5	75
HỌC KỲ 5	VIE 405	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>		x	3	45
	VIE 304	<i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>		x	4	60
	ECO 302	Kinh tế vĩ mô	x		5	75
	FIN 301	Quản trị tài chính	x		5	75
	LAW 402	Luật kinh tế	x		5	75
	ECO 303	Kinh tế lượng	x		5	75

<b>HỌC KỲ 6</b>	HRM 301	Quản trị nhân sự	x		5	75
	VIE 405	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>		x	3	45
	FIN 304	Tài chính doanh nghiệp	x		5	75
	BNK 302	Tài chính - tiền tệ	x		5	75
	STA 202	Nguyên lý thống kê kinh tế	x		5	75
<b>HỌC KỲ 7</b>	BNK 305	Quản trị ngân hàng	x		5	75
	FIN 405	Mô hình tài chính	x		5	75
	FIN 303	Phân tích tài chính	x		5	75
		01 môn tự chọn		x	5	75
<b>HỌC KỲ 8</b>	FIN 406	Tài chính quốc tế	x		5	75
	FIN 410	Quản trị đầu tư & danh mục đầu tư	x		5	75
		01 môn tự chọn		x	5	75
		01 môn tự chọn		x	5	75
<b>HỌC KỲ 9</b>		02 môn tự chọn		x	5	75
		Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	x		15	

- Môn Giáo dục Thể chất gồm 05 đvht được tổ chức giảng dạy khác buổi theo khối lớp, tuần tự từ kỳ I – kỳ V.
- Môn Giáo dục Quốc phòng (165 tiết) học tập trung liên tục theo lịch của trường.
- Sinh viên được đăng ký học một số môn trong các chương trình cử nhân khác của Trường Đại học Hà Nội hoặc các Chương trình mà Trường Đại học Hà Nội có liên kết cho các học phần tự chọn trên.
- Sinh viên có thể được xem xét chấp nhận các học phần tương đương từ các chương trình cử nhân khác. Nhà trường sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp sau khi được cung cấp đầy đủ về các thông tin liên quan đến môn học như: thời lượng môn học, tài liệu giảng dạy, phương thức đánh giá, kết quả.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Vang**